

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 – 11 – 2021  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Khánh Linh.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Trần Ngọc Phương;
2. Bà Nguyễn Thị Túy Phương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Cảnh Khang – là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 477/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim Ch, sinh năm 1980; thường trú: A202 khu phố BĐ, phường BN, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Minh Kh, sinh năm 1979; thường trú: A202 khu phố BĐ, phường BN, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Kim Ch trình bày:*

Bà Trần Thị Kim Ch và ông Trương Minh Kh tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01/2000 ngày 30/5/2000.

Sau khi kết hôn, bà Ch và ông Kh chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên cãi vã khiến cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Ông Kh thường xuyên tham gia uống rượu bia say xỉn về gây gổ, chửi bới xúc phạm, đánh đập gây thương tích cho bà Chung trước mặt con cái; thường xuyên ghen tuông, nghi ngờ bà Chung không chung thủy nên kiểm tra điện thoại, lén đặt định vị để theo dõi, gây bạo lực tinh thần đối với bà Ch như hù dọa cắt cổ, dọa đánh khiến bà Chung rất lo sợ và mệt mỏi. Khoảng 5 năm nay vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng và không quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay bà Ch xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trương Minh Kh.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Ch và ông Kh có 02 người con chung tên Trương Mỹ K, sinh ngày 23/12/2008 và Trương Vĩnh K, sinh năm 2000. Sau khi ly hôn, bà Ch yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trương Mỹ K, sinh ngày 23/12/2008, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Trương Vĩnh K, sinh năm 2000, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm:* Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của con; sổ hộ khẩu gia đình, đơn xác nhận.

*Tại biên bản lấy lời khai 17/5/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Minh Kh trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, điều kiện tiến đến hôn nhân. Sau khi kết hôn ông và bà Chung chung sống hạnh phúc được khoảng 2- 3 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau về tiền bạc, cụ thể vào năm 2010, vợ chồng vay tiền của cha mẹ vợ nhưng do làm ăn thua lỗ nên còn nợ 80.000.000 đồng, vợ chồng cãi nhau, ông Kh đã đánh vợ và đập phá đồ đạc trong nhà và bị Công an phường BN xử phạt số tiền 1.250.000 đồng. Quá trình chung sống, bà Chung không quan tâm, không nấu nướng những món ăn mà ông Kh thích ăn; không dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ, không mua đồ cúng kiếng nên ông Khánh chửi bới bà Ch. Trước đây ông Kh đưa cho bà Ch mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng để chi tiêu trong gia đình nhưng bà Ch không làm đúng ý của ông Kh nên ông Kh không đưa nữa mà cất lại tự lo. Khoảng 01 năm nay, ông Kh ăn riêng, chi tiêu riêng nên mỗi tháng đưa cho bà Ch số tiền 3.000.000 đồng để chi tiêu trong gia đình. Khoảng 05 năm nay, vợ chồng không còn quan hệ sinh lý, không còn ngủ chung, ăn chung, ông Kh cất chòi bên hông nhà để ở cho đến nay. Nay bà Ch

yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông Kh xác định vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung như nguyên đơn trình bày, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Kh đồng ý giao con chung tên Trương Mỹ K, sinh ngày 23/12/2008 cho bà Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Trương Vĩnh K, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chứng cứ do bị đơn cung cấp:* Không.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ trong vụ án thể hiện bị đơn ông Trương Minh Kh, cư trú tại A202 khu phố BĐ, phường BN, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim Ch và ông Trương Minh Kh tiến đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01/2000 ngày 30/5/2000 nên quan hệ hôn nhân của bà Ch và ông Kh là hôn nhân hợp pháp. Bà Ch khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Kh, ông Kh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa bà Ch và ông Kh không đạt được các yếu tố của một gia đình

hạnh phúc. Bà Ch và ông Kh đều xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau khiến cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Ông Kh nghi ngờ bà Ch không chung thủy nên thường xuyên kiểm tra điện thoại, cãi đặt vị, chửi bới, bạo hành bà Ch về những vấn đề xảy ra hàng ngày. Khoảng 05 năm nay, tuy sống cùng nhà nhưng cả hai đã ăn riêng, ngủ riêng và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn, đoàn tụ để cùng chung sống hạnh phúc nuôi dạy con cái nhưng không thành. Tại phiên tòa, bà Ch kiên quyết ly hôn, ông Kh không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương hướng để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Ch và ông Kh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim Ch.

[3.2] Về con chung: Bà Ch và ông Kh có 02 người con chung tên tên Trương Mỹ K, sinh ngày 23/12/2008 và Trương Vĩnh K, sinh năm 2000. Bà Ch yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Mỹ K, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con, ông Kh đồng ý và nguyện vọng của cháu Trương Mỹ K mong muốn được sống chung với mẹ trong trường hợp Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với con chung Trương Vĩnh K đã trưởng thành nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim Ch.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim Ch.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim Ch được ly hôn với ông Trương Minh Kh.

- Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Kim Ch được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Mỹ K, sinh ngày 23/12/2008 và ông Trương Minh Kh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Kim Ch và ông Trương Minh Kh đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Kim Ch phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0055412 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND phường 26, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Khánh Linh**

